TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-PT
Ngày 15-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 54/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T; địa chỉ: Thôn 03, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Kim A; địa chỉ: TDP 02, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn L, Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 27-27A, ngõ 82 NAN, phường T, quận H, thành phố Hà Nội – *Có mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Thôn 03, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

2. Ông Trần Văn B; địa chỉ: TDP 02, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Người làm chứng:

1. Chị Võ Thị Bích Tr; địa chỉ: TDP 04, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

2. Bà Hoàng Thị H; địa chỉ: Thôn 04, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Có*

đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đinh Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-8-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày*:**

Ngày 02-10-2015, ông cho bà Đinh Thị Kim A vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền, thời hạn trả vào cuối tháng 10-2015 (*tức ngày 31-10-2015*). Khi ông giao tiền cho bà Anh có chị Võ Thị Bích Tr là người ở trọ nhà bà A chứng kiến. Do bà A cho rằng số tiền này là tiền ông đưa cho bà A để xin việc cho con trai ông và bà A đồng ý trả lại tiền nên trong quá trình giải quyết vụ án, ông cũng thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng là tiền ông đưa cho bà A để xin việc, tuy nhiên thực tế đây là tiền ông cho bà A vay theo giấy vay tiền ngày 02-10-2015. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà A phải trả lại 100.000.000 đồng đã vay và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.000.000 đồng mà bà A đã trả và lãi suất, chỉ yêu cầu bà A phải trả 89.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đinh Thị Kim A trình bày:

Bà thừa nhận ngày 02-10-2015 bà có nhận của ông T số tiền 100.000.000 đồng nhưng đây là tiền ông T đưa cho bà để nhờ bà Hoàng Thị H xin việc cho con trai ông T. Ông T và bà cùng đến nhà bà H, sau khi bà vào đưa tiền cho bà H thì ông T yêu cầu bà viết giấy vay tiền, thời hạn trả vào cuối tháng 10-2015 (*tức ngày 31-10-2015*), thực tế không có việc bà vay tiền của ông T. Do không xin được việc nên bà đã trả lại cho ông T số tiền 11.000.000 đồng, đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị trả lại 89.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng khi nào bà lấy được tiền của bà H thì bà mới trả cho ông T.

***Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:**

- *Bà Nguyễn Thị S:* Bà là vợ ông T, bà không biết và không chứng kiến việc ông T đưa tiền cho bà A theo giấy vay tiền ngày 02-10-2015, chỉ nghe ông T kể lại có cho bà A vay tiền nhưng không biết số tiền cụ thể, bà không biết nội dung thỏa thuận xin việc giữa ông T với bà A. Số tiền ông T đưa cho bà A là tiền riêng của ông T, không phải tài sản chung của vợ chồng. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ông Trần Văn B:* Ông là chồng bà A, ông được biết bà A và ông T có đến nhà bà H để xin việc cho con trai ông T, khi xin việc không được thì ông T yêu cầu trả tiền, việc ông T đưa tiền cho bà A như thế nào ông không biết và không liên quan.

***Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày*:**

- *Chị Võ Thị Bích Tr:* Năm 2015, chị ở trọ nhà bà A. Ngày 02-10-2015, bà A nhờ chị xuống nhà để ký làm chứng trong giấy vay tiền ngày 02-10-2015 (*nội dung vay số tiền 100.000.000 đồng thì bà A đã nói trước với chị*). Chị chứng kiến ông T ngồi ở ghế đá nhà bà A giao tiền cho bà A nhưng không biết số tiền bao nhiêu và thời hạn trả như thế nào.

- *Bà Hoàng Thị H:* Bà khẳng định không nhận của bà A số tiền 80.000.000 đồng để xin việc cho con trai ông T như bà A trình bày. Bà không quen biết ông T, không có việc bà A hay ông T lên nhà bà để nhờ xin việc cho con trai ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 3262016UBIVO114 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà A, buộc bà A phải trả cho ông T số tiền 89.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết đối với số tiền 11.000.000 đồng, quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-6-2023, bị đơn bà Đinh Thị Kim A kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Việc ông T đưa số tiền 100.000.000 đồng cho bà A là có thật nhưng đây là khoản tiền ông T nhờ bà A đưa cho bà H để xin việc cho con trai ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm để đợi kết quả giải quyết vụ án "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*" giữa bà A với bà H đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông thụ lý ngày 07-4-2023.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Kim A nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của bà Đinh Thị Kim A; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[2.1]. Tại Giấy vay tiền ngày 02-10-2015 thể hiện ông T cho bà A vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà A thừa nhận có nhận của ông T số tiền 100.000.000 đồng nhưng đây chỉ là tiền ông T nhờ bà A liên hệ với bà H để xin việc cho con trai ông T, tuy nhiên ông T không thừa nhận. Bà H trình bày không có việc bà A hay ông T gặp bà để nhờ xin việc cho con trai ông T, bà H cũng không nhận của bà A số tiền 80.000.000 đồng như bà A trình bày.

Xét thấy, bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 100.000.000 đồng ông T đưa cho bà A là để nhờ xin việc; quá trình giải quyết vụ án bà A cũng đồng ý trả lại số tiền này cho ông T nhưng yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả giải quyết vụ việc giữa bà A với bà H tại Công an huyện Tuy Đức và Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức. Tuy nhiên, tại Thông báo số: 57/CV-CSĐT ngày 29-3-2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tuy Đức thể hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tuy Đức không tiếp nhận, thụ lý nội dung ông T tố giác bà A hay bà H nhận số tiền 100.000.000 đồng để nhờ xin việc; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" giữa bà A với bà H cũng không giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà A đối với số tiền 100.000.000 đồng bà A cho rằng đưa cho bà H để nhờ xin việc. Do đó, ý kiến của bà A là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa bà A với ông T là hoàn toàn tự nguyện; tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, có căn cứ khẳng định bà A đã vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng.

[2.2]. Bà A trình bày đã trả cho ông T số tiền 11.000.000 đồng, ông T thừa nhận điều này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3]. Tại Giấy vay tiền ngày 01-10-2015, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là cuối tháng 10 (*tức ngày 31-10-2015*). Tuy nhiên khi đến hạn, bà A chỉ trả cho ông T được số tiền 11.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà A phải trả cho ông T số tiền nợ gốc 89.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4]. Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu bà A phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã vay và lãi suất theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu này. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 11.000.000 đồng và lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với số tiền gốc 11.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất là thiếu sót nhưng nội dung này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ sửa một phần bản án sơ thẩm và nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2.5]. Mặc dù ông T cho bà A vay tiền trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà S (*vợ ông T*) thừa nhận số tiền ông T cho vay là tài sản riêng của ông T; bà A thừa nhận việc bà A vay tiền không liên quan đến ông B (*chồng bà A*). Do đó, khoản vay của bà A không thuộc một trong các trường hợp phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7]. Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Anh về việc hủy bản án sơ thẩm; có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất.

[3]. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

- Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đinh Thị Kim A, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T: Buộc bà Đinh Thị Kim A phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 89.000.000đ (*tám mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc buộc bà Đinh Thị Kim A phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Đinh Thị Kim A phải chịu 4.450.000đ (*bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Lê Văn T số tiền 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 13-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị Kim A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà Đinh Thị Kim A số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 22-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hữu